

Số: 2386/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện  
chính sách cải cách tiền lương năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3039/TTr-STC ngày 28 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2024, với nội dung như sau:

**1. Tổng kinh phí: 743.158 triệu đồng** (Bảy trăm bốn mươi ba tỷ, một trăm năm mươi tám triệu đồng).

**2. Nguồn kinh phí:** Từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang là: **2.761 triệu đồng** và nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1673/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ là: **740.397 triệu đồng.**

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính cân đối từ nguồn kinh phí nêu trên, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao bổ sung kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được bổ sung, nguồn thu được để lại, tăng thu thực hiện so với dự toán 2023 và nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để chi trả tiền lương tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- L/đ UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

**BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số **2386** /QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)



STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>743.158</b>	
<b>A</b>	<b>KHỐI TỈNH</b>	<b>182.963</b>	
1	Tỉnh ủy	5.066	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 1.266 trđ.
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	914	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 273 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 589 triệu đồng (NSNN cấp).
3	Văn phòng UBND tỉnh	1.952	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 415 trđ (QLNN 316trđ, SNKT 99trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 522 triệu đồng (NSNN cấp);
4	Sở Công thương	1.547	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 348 trđ (QLNN 202trđ, SNKT 146trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 123 triệu đồng (NSNN cấp);
5	Sở Giáo dục - Đào tạo	58.872	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 9.628 trđ (QLNN 324trđ, SNGD 8.619trđ, SNĐT 685trđ ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 530 triệu đồng (NSNN cấp).
6	Sở Giao thông Vận tải	1.144	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 294 trđ.
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.316	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 281 trđ (QLNN 222trđ, SNKT 59trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 10 triệu đồng (NSNN cấp).
8	Sở Khoa học và Công nghệ	1.189	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 269 trđ (QLNN 165trđ, SNKH 104trđ).
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.598	TĐó: Đã bao gồm Đã khấu trừ KLKT số tiền 39 triệu đồng (NSNN cấp); quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 898 trđ (QLNN 232trđ, ĐBXH 591trđ, SNKT 75trđ).
10	Sở Nội vụ	2.483	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 458trđ (QLNN 390trđ, SNKT 68trđ).
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	12.068	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 2.205 trđ (QLNN 1.520trđ, SNKT 685trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 526 triệu đồng (NSNN cấp).
12	Sở Ngoại vụ	587	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 120 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 6 triệu đồng (NSNN cấp)
13	Sở Tài chính	1.577	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 322 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 21 triệu đồng (NSNN cấp).

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.262	TĐó: Đã bao gồm Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 757 trđ (QLNN 227trđ, SNKT 455trđ, SNMT 75trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 322 triệu đồng (NSNN cấp).
15	Sở Tư pháp	1.348	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 266 trđ (QLNN 152trđ, SNKT 114trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 62 triệu đồng (NSNN cấp).
16	Sở Thông tin và Truyền thông	960	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 244trđ (QLNN 156trđ, SNKT 88trđ).
17	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	6.334	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 1.506 trđ (QLNN 284trđ, SNVH 1.016trđ, SNTT 147trđ, SNKT 59trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 113 triệu đồng (NSNN cấp)
18	Sở Xây dựng	912	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 202trđ (QLNN 202trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 5 triệu đồng (NSNN cấp).
19	Sở Y tế	67.304	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 11.937 trđ (QLNN 303trđ, SNYT 11.403trđ, SNĐT 231trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 4.456 triệu đồng (NSNN cấp).
20	Ban Dân tộc	623	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 122 trđ.
21	Đài Phát thanh Truyền hình	554	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 539 trđ.
22	Thanh tra tỉnh	877	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 154 trđ.
23	Trường Chính trị tỉnh	1.415	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 235 trđ.
24	Trường Cao đẳng nghề	255	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 53 trđ.
25	Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật	573	Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 573 trđ.
26	Hội cựu chiến binh	328	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 63 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 14 triệu đồng (NSNN cấp)
27	Tỉnh Hội phụ nữ	691	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 123 trđ.
28	Tỉnh Đoàn thanh niên	781	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 135 trđ (QLNN 98trđ, SNVH 37trđ); Đã khấu trừ KLKT số tiền 318 triệu đồng (NSNN cấp)
29	Mặt Trận tổ quốc	1.129	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 128 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 19 triệu đồng (NSNN cấp)

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
30	Hội Nông dân tỉnh	751	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 134 trđ (QLNN 124trđ, SNKT 10trđ).
37	Hội Chữ thập đỏ	441	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 101trđ.
38	Hội Văn học Nghệ thuật	286	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 66 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 8 triệu đồng (NSNN cấp)
39	Hội Khuyến học tỉnh	29	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 3 trđ.
40	Hội Cựu thanh niên xung phong	30	
41	Hội người Cao tuổi	51	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 5 trđ.
42	Hội Luật gia tỉnh	117	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 34 trđ.
43	Hội Đông y	38	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 5 trđ.
44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	42	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 6trđ (QLHC).
45	Hội nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin	43	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 4 trđ.
46	Liên Minh hợp tác xã	390	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 89 trđ; Đã khấu trừ KLKT số tiền 28 triệu đồng (NSNN cấp)
47	Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Điện Biên	30	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 254 trđ.
48	Hội Nhà báo	56	TĐó: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 13 trđ.
<b>II</b>	<b>KHỐI HUYỆN (*)</b>	<b>560.195</b>	Khấu trừ theo kết luận KTNN số 112/KTNN-TH ngày 18/7/2024
1	Thành phố Điện Biên Phủ	60.432	Đã khấu trừ KLKT số tiền 7.696 triệu đồng
2	Huyện Điện Biên	85.714	Đã khấu trừ KLKT số tiền 2.534 triệu đồng
3	Huyện Tuần Giáo	76.352	Đã khấu trừ KLKT số tiền 2.592 triệu đồng
4	Huyện Mường Ảng	37.239	Đã khấu trừ KLKT số tiền 2.535 triệu đồng
5	Huyện Tủa Chùa	45.060	Đã khấu trừ KLKT số tiền 4.907 triệu đồng
6	Huyện Mường Chà	52.589	Đã khấu trừ KLKT số tiền 5.032 triệu đồng
7	Huyện Mường Nhé	57.616	Đã khấu trừ KLKT số tiền 1.510 triệu đồng
8	Huyện Nậm Pồ	64.570	Đã khấu trừ KLKT số tiền 2.401 triệu đồng
9	Thị Xã Mường Lay	13.894	Đã khấu trừ KLKT số tiền 1.827 triệu đồng
10	Huyện Điện Biên Đông	66.729	Đã khấu trừ KLKT số tiền 2.390 triệu đồng

\* Ghi chú: Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP